

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 11/2021/DS - PT

Ngày: 28/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quế.

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Dương Thị Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**

Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2020/TLPT - DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/QĐPT - DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1988;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường ĐQ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Lương Thị Thanh H2, sinh năm 1985;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 12, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của chị H2: Anh Hoàng TA, sinh năm 1989;

Hộ khẩu thường trú: Tổ 7, xã Tả TO, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Địa chỉ liên lạc: Tầng 7, Tòa nhà Eu, số 2, 3T, phường TT, Quận DD, thành phố Hà Nội (có mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đinh Thị H1 trình bày: Chị và chị H2 có mối quan hệ thân thiết, khoảng thời gian đầu năm 2018 nhiều lần chị H2 vay tiền của chị khi giao nhận tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Ngày 23/3/2018 hai bên đã chốt số tiền gốc chị H2 vay của chị là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn chị H2 phải trả chị là 01 năm; Hàng tháng chị H2 có trả chị tiền lãi suất có lần trả trực tiếp không có giấy tờ

giao, nhận, có lần trả bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng, lần nhiều nhất là 3.000.000 đồng, lần ít nhất là 1.500.000 đồng. Nay chị không xác định được tổng số tiền lãi suất và mức lãi suất mà chị H2 đã trả cho chị. Sau khi hết thời hạn trả nợ theo cam kết, nhiều lần chị yêu cầu chị H2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng chị H2 không thực hiện. Chị thừa nhận chị H2 có khó khăn về kinh tế nên chỉ yêu cầu chị H2 trả chị khoản tiền gốc, không yêu cầu trả lãi suất từ tháng 3/2020 đến nay.

Bị đơn chị Lương Thị H2 trình bày: Chị thừa nhận khoảng thời gian từ đầu năm 2018 nhiều lần chị vay tiền của chị H1, khi giao, nhận tiền hai bên không viết giấy biên nhận. Đến ngày 23/3/2018, hai bên xác định chị vay của chị H1 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) và thỏa thuận thời hạn chị trả nợ, sau đó chị đã viết giấy vay tiền giao cho chị H1 giữ. Trong văn bản này chị không ghi nội dung thỏa thuận về lãi suất nhưng thực tế, mức lãi suất chị trả chị H1 khoảng từ 1.500 đồng - 2.000đ/triệu/ngày, chị không nhớ chính xác. Nhiều lần chị trả tiền lãi suất trên số tiền gốc nói trên cho chị H1, có lần trả trực tiếp không có giấy tờ giao, nhận, có lần trả bằng hình thức chuyển khoản qua Ngân hàng. Số tiền lãi suất đã trả đến tháng 3/2020. Nay chị không xác định được số tiền lãi suất đã trả chị H1 là bao nhiêu. Nay do kinh tế khó khăn nên chị không có khả năng thực hiện việc trả nợ cho chị H1. Tại thời điểm chị viết giấy vay tiền của chị H1 có 01 (một) số chủ nợ khác đòi nợ chị nên tâm lý của chị bất ổn, dẫn đến việc xác định số tiền gốc chị vay chị H1 540.000.000đồng là không chính xác, thực tế số tiền chỉ khoảng từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi suất. Do đó chị không chấp nhận yêu cầu của chị H1, chị yêu cầu chị H1 phải có chứng cứ giao - nhận tiền bằng văn bản về các lần chị H1 cho chị vay tiền.

Với nội dung nêu trên tại bản án sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468; 470; 465; 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H1 đối với chị Lương Thị Thanh H2;

Buộc chị H2 có trách nhiệm trả nợ cho chị H1 theo hợp đồng vay tài sản do chị H1 và chị H2 lập ngày 23/3/2018 với số tiền gốc là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực, chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H2 không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng chị H2 còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H2 phải chịu 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị H1 13.500.000đ (mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002910 ngày 24/4/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2020 chị Lương Thị Thanh H2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xem xét lại bản án sơ thẩm một cách khách quan, công tâm, đúng quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị H2 vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo của chị H2.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa chị H1 và chị H2 có mối quan hệ rất thân thiết do vậy chị H1 đã cho chị H2 vay tiền nhiều lần mà hai bên không viết giấy tờ. Ngày 23/3/2018 hai bên đã chốt số tiền gốc chị H2 vay của chị Hương 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng) không thỏa thuận lãi, thời hạn chị H2 phải trả chị H1 là 01 năm, tuy nhiên hàng tháng chị H2 vẫn trả chị H1 tiền lãi suất theo thỏa thuận miệng, có lần trả trực tiếp, có lần trả bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lần nhiều nhất là 3.000.000 đồng, lần ít nhất là 1.500.000 đồng, vì không viết giấy nên chị H1 và chị H2 cũng không nhớ được là đã trả, đã nhận bao nhiêu tiền lãi. Chị H1, chị H2 xác định số tiền lãi chị H2 đã trả hết tháng 3 năm 2020. Nay do chị H2 có khó khăn về kinh tế nên chị chỉ yêu cầu chị H2 trả chị khoản tiền gốc, không yêu cầu trả lãi suất từ tháng 3/2020 đến nay. Chị H2 cho rằng thực tế mức lãi suất chị trả chị H1 khoảng từ 1.500 đồng - 2.000đ/triệu/ngày là quá cao nhưng lại không có gì chứng minh là chị H1 nhận lãi suất từ 1.500 đồng - 2.000đ/triệu/ngày do vậy không có căn cứ để xem xét yêu cầu của chị H2. Nay

chị H2 cho rằng do kinh tế khó khăn nên chị không có khả năng để trả chị H1. Thực tế số tiền chị vay chị H1 chỉ khoảng từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, vì tại thời điểm chị viết giấy vay tiền của chị H1 có 01 (một) số chủ nợ khác đòi nợ chị nên tâm lý của chị bất ổn, dẫn đến việc chị xác định số tiền gốc chị vay chị H1 (540.000.000 đồng) là không chính xác, nếu chị H1 đồng ý thì chị sẽ thu xếp để trả cho chị H1 số tiền 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, tuy nhiên chị H2 lại không chứng minh được việc chị chỉ vay chị H1 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng, còn chị H1 không đồng ý nhận 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng như ý kiến của chị H2, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H2 phải có trách nhiệm trả chị H1 số tiền đã vay theo giấy vay ngày 23/3/2018 là có căn cứ. Chị H2 kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ cho việc kháng cáo của mình, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của chị H2 cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị H2 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của chị H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 468; 470; 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị Thanh H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2020/DS - ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H1 đối với chị Lương Thị Thanh H2.

2. Buộc chị H2 có trách nhiệm trả nợ cho chị H1 theo hợp đồng vay tài sản do chị H1 và chị H2 lập ngày 23/3/2018 với số tiền gốc là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H2 không tự nguyện thi hành khoản tiền nói trên thì hàng tháng chị H2 còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

### 3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H2 phải chịu 25.600.000đ (hai mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị H1 13.500.000đ (mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002910 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị H2 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm. Xác nhận chị H2 đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0003778 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND thành phố TN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP TN;
- VP - TAT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Quế**